Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

GV: Nguyễn Thị Mai

Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 11

Ngày soạn: 03/09/2026

Ngày dạy: Tuần 1,2,3 (Tiết 1-9)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG — (Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 1. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG

(Số tiết: 9 — tuần 1 đến tuần 3, tiết 1 đến tiết 9)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Nêu được cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và với bạn bè, mỗi phía ít nhất ba cách kèm kết quả cụ thể đã đạt được.

– Nêu được cách làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè ở trường cũng như qua mạng xã hội; chỉ ra được mối quan hệ nào bản thân đã làm chủ và mối quan hệ nào chưa.

– Xử lí được các tình huống về quan hệ bạn bè ở trường và trên mạng xã hội theo hướng giữ được chính kiến, từ chối được lời rủ rê không lành mạnh và không làm tổn thương người khác.

– Thiết kế được một sản phẩm góp phần phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè như cẩm nang, áp phích hoặc tờ tin của lớp.

– Hợp tác được với bạn để lập và thực hiện một kế hoạch hoạt động xây dựng, phát triển nhà trường có đủ thành viên, mục tiêu, thời gian, nội dung, phương tiện và phân công nhiệm vụ.

– Lập được kế hoạch và đánh giá được hiệu quả của một hoạt động phát huy truyền thống nhà trường bằng phiếu hỏi, phỏng vấn và hồi cứu tư liệu; viết và trình bày được báo cáo kết quả.

– Thực hiện được các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh do nhà trường và địa phương tổ chức.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi điều chỉnh cách ứng xử cho hợp từng mối quan hệ ở trường và trên mạng; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch xây dựng nhà trường, phân công nhiệm vụ, khảo sát và viết báo cáo đánh giá.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự soi lại các mối quan hệ của mình và tự quyết định giữ hay dừng một mối quan hệ; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm, phỏng vấn và thuyết phục bạn; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lí ba tình huống bạn bè và khi xử lí số liệu khảo sát thu về.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

2.5.NC1a – 2.5. Quy tắc ứng xử trên mạng — Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và kiến thức khi sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng về văn hóa và thế hệ trong môi trường số.. Cụ thể trong chủ đề này: HS lập bộ quy tắc ứng xử của lớp trên mạng xã hội, rà soát 3 tình huống bình luận về thầy cô, bạn bè trên phiếu và viết lại lời lẽ cho đúng chuẩn mực, giải thích lí do từng chỗ sửa.

11.A1 – A1. Tính chủ động của con người — Quy trình sử dụng AI an toàn / AI để nâng cao năng lực. Cụ thể trong chủ đề này: HS xây dựng quy trình 4 bước dùng trợ lí AI miễn phí để gợi ý hoạt động phát huy truyền thống trường, đối chiếu từng gợi ý với nội quy nhà trường rồi mới đưa vào kế hoạch tổ.

Minh chứng: bộ quy tắc ứng xử trên mạng của lớp; phiếu ba lời bình luận đã được viết lại kèm lí do sửa; bảng quy trình bốn bước dùng trợ lí ảo có cột kết luận giữ hoặc bỏ từng gợi ý; kế hoạch hoạt động và báo cáo đánh giá hiệu quả của nhóm.

3. Phẩm chất

Nhân ái: kính trọng thầy cô; quan tâm, giúp đỡ bạn và không hùa theo đám đông để làm tổn thương người khác.

Trách nhiệm: nhận nhiệm vụ đã phân công và làm đến nơi đến chốn; giữ gìn cảnh quan, tài sản chung của nhà trường.

Trung thực: ghi đúng điều mình quan sát được khi khảo sát, không sửa số liệu cho đẹp báo cáo.

Chăm chỉ: theo đuổi kế hoạch của nhóm đến khi có kết quả và có báo cáo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 5–12 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ; bản in ba tình huống ở trang 8; bản in khung kế hoạch hoạt động trang 9 và khung kế hoạch đánh giá trang 10–11; bản in ba lời bình luận trên mạng dùng cho phần rà soát quy tắc ứng xử; bản in nội quy nhà trường; phiếu học tập ở Phụ lục 1; phiếu hỏi và bảng câu hỏi phỏng vấn đã nhân bản đủ cho các nhóm.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; tư liệu, ảnh về hoạt động phát huy truyền thống mà lớp hoặc trường đã tổ chức.

Phương án dự phòng: trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên mọi thao tác trên máy đều do giáo viên làm, học sinh quan sát qua tivi và ghi kết quả vào phiếu giấy. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in ba gợi ý của trợ lí ảo và bản in ba lời bình luận đã chuẩn bị từ trước; toàn bộ nhiệm vụ vẫn làm trọn vẹn trên giấy. Số liệu khảo sát được cộng bằng tay và vẽ biểu đồ cột bằng bút màu trên giấy A3.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp, không nhập họ tên thật, số điện thoại, địa chỉ nhà hay ảnh riêng lên bất kì trang nào và không đăng bài, bình luận lên mạng trong giờ học. Ba lời bình luận dùng để rà soát là lời giả định, không lấy từ trang cá nhân của ai và không nêu tên bạn trong lớp. Khi lao động làm sạch cảnh quan phải đeo khẩu trang, găng tay, không trèo cao, không dùng dụng cụ sắc nhọn khi chưa được hướng dẫn. Khi phỏng vấn thầy cô hoặc cha mẹ học sinh phải xin phép trước và hỏi đúng nội dung đã duyệt.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: quan hệ với thầy cô và bạn bè → làm chủ quan hệ ngoài đời và trên mạng → xử lí tình huống khó → làm ra một sản phẩm cho tình thầy trò, tình bạn → hợp tác xây dựng nhà trường → đánh giá hiệu quả bằng số liệu thật.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
1	Em đã làm gì để quan hệ với thầy cô, bạn bè trở nên tốt đẹp hơn?	Bảng hai cột cách phát triển quan hệ với thầy cô và với bạn bè	45 phút
2	Quan hệ nào em đã làm chủ được, quan hệ nào còn chưa?	Phiếu tự soi ba mối quan hệ kèm sáu cách làm chủ	45 phút
3	Lời lẽ thế nào là đúng mực khi nói với nhau trên mạng?	Bộ quy tắc ứng xử trên mạng của lớp và ba lời bình luận đã viết lại	45 phút
4	Gặp tình huống bạn ép, bạn rủ đi gây sự thì em xử lí ra sao?	Ba cách xử lí tình huống kèm lời thoại đóng vai	45 phút
5	Làm sản phẩm gì để lan toả tình thầy trò, tình bạn trong lớp?	Cẩm nang hoặc áp phích của nhóm về tình thầy trò, tình bạn	45 phút
6	Nhóm em chọn làm việc gì để góp phần xây dựng nhà trường?	Kế hoạch hoạt động của nhóm đủ bảy mục theo mẫu trang 9	45 phút
7	Nhờ trợ lí ảo gợi ý thì phải kiểm lại những gì trước khi dùng?	Bảng quy trình bốn bước kèm kết luận giữ hoặc bỏ từng gợi ý	45 phút
8	Muốn biết một hoạt động có hiệu quả thì hỏi ai và hỏi điều gì?	Kế hoạch đánh giá và bộ công cụ khảo sát của nhóm	45 phút
9	Số liệu thu về nói lên điều gì và lần sau nên làm khác thế nào?	Báo cáo đánh giá hiệu quả và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 1. PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ TỐT ĐẸP VỚI THẦY CÔ, BẠN BÈ

Hoạt động 1. Mở đầu – Người thầy và người bạn em nhớ nhất (8′)

a) Mục tiêu: Khơi lại kỉ niệm về thầy cô và bạn bè để làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu cách giữ gìn, phát triển những mối quan hệ ấy.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu bức tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 5 rồi nêu ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1. Học sinh viết nhanh câu trả lời của mình.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn ở mục A Phụ lục 1 của mỗi học sinh; danh sách những điều lớp muốn biết thêm được ghi lên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên chiếu tranh mở đầu chủ đề trang 5, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết ngắn gọn, không cần tên bạn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh nhớ lại và tự viết. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ kể sự việc mà chưa nói được vì sao mối quan hệ ấy đáng nhớ.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng thành hai cột: điều làm quan hệ tốt lên và điều làm quan hệ xấu đi.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Quan hệ tốt đẹp không tự nhiên mà có, nó được tạo ra bằng những việc rất nhỏ lặp lại hằng ngày. Chủ đề này sẽ gọi tên những việc ấy và tập làm cho quen.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết bốn định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 6, từ phát triển quan hệ với thầy cô, bạn bè đến làm chủ quan hệ trên mạng, hợp tác xây dựng nhà trường và đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống.

b) Nội dung: Mười nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 1 đến tiết 8, bám bảy hoạt động của sách giáo khoa từ trang 7 đến trang 12.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô	Phát triển mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè
– Gần gũi, cởi mở trò chuyện, học hỏi thầy cô.	– Gần gũi, cởi mở trò chuyện, khiêm tốn học hỏi bạn bè.
– Kính trọng, lễ phép.	– Lôi cuốn bạn cùng tham gia các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động xã hội.
– Hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập và các nhiệm vụ được thầy cô, lớp, trường giao phó.	– Cùng hợp tác thực hiện các nhiệm vụ chung.
– …	– …

Bảng gợi ý cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và với bạn bè — SGK trang 7

Nhiệm vụ 2.1. Chia sẻ và thảo luận cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp (37′)

a) Mục tiêu: Nêu được cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và với bạn bè, kèm kết quả cụ thể mà cách làm đó đã mang lại.

b) Nội dung: Mỗi học sinh kể một cách mình đã làm và kết quả thu được. Sau đó các nhóm dùng bảng hai cột ở sách giáo khoa trang 7 làm khung, chép lại các gợi ý đã có rồi bổ sung thêm ít nhất hai cách mới cho mỗi cột từ trải nghiệm thật của nhóm.

c) Sản phẩm: Bảng hai cột trên giấy A3 của nhóm, mỗi cột có ít nhất năm cách kèm một kết quả cụ thể; hai cách được khoanh tròn là hai việc nhóm sẽ làm ngay trong tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, chiếu bảng hai cột ở trang 7 và nêu rõ mỗi cách ghi ra phải kèm một kết quả đã thấy được.

2. Thực hiện nhiệm vụ (17′): Học sinh kể trong nhóm cách mình đã làm, thư kí gom vào đúng cột rồi nhóm nghĩ thêm cách mới. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào ghi cách chung chung: em đã làm việc đó lúc nào và sau đó thầy cô hay bạn phản hồi ra sao.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Ba nhóm còn lại bổ sung cách mà nhóm bạn chưa có và nêu kết quả kèm theo.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Cách phát triển quan hệ với thầy cô nghiêng về sự kính trọng và hoàn thành nhiệm vụ được giao, còn với bạn bè nghiêng về sự cởi mở và cùng làm việc chung. Điểm chung của cả hai là chủ động trước, không chờ người khác mở lời.

TIẾT 2. LÀM CHỦ VÀ KIỂM SOÁT CÁC MỐI QUAN HỆ BẠN BÈ

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã có bảng hai cột cách phát triển quan hệ tốt đẹp. Tiết này đi vào phần khó hơn: có những mối quan hệ khiến em thấy mệt, thấy bị cuốn theo, và em cần tự mình cầm lái.

Nhiệm vụ 2.2. Soi lại các mối quan hệ bạn bè ở trường và trên mạng (20′)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được mối quan hệ bạn bè nào bản thân đã làm chủ, kiểm soát được và mối quan hệ nào chưa; nói được cách mình đã dùng để làm chủ mối quan hệ đó.

b) Nội dung: Theo ba gợi ý chia sẻ ở sách giáo khoa trang 7, mỗi học sinh tự viết vào phiếu ba mối quan hệ: một mối quan hệ đã làm chủ tốt, một mối quan hệ ở trường còn chưa làm chủ và một mối quan hệ trên mạng còn chưa làm chủ, không nêu tên bạn.

c) Sản phẩm: Phiếu tự soi ba mối quan hệ của mỗi học sinh, mỗi dòng ghi bối cảnh, cách đã làm hoặc điều còn lúng túng, không có tên riêng của bạn nào trong lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên nêu quy ước của tiết học: chỉ viết về cảm nhận của mình, thay tên bạn bằng chữ cái, và phiếu này chỉ dùng để tự sửa chứ không thu chấm điểm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9′): Học sinh viết phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào bí bằng câu hỏi: có lần nào em đồng ý một việc chỉ vì ngại từ chối không.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Bốn học sinh xung phong chia sẻ một dòng trong phiếu. Lớp nghe, không bình luận về người, chỉ nêu tình huống tương tự mình cũng gặp.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Làm chủ một mối quan hệ nghĩa là em quyết định mình tham gia đến đâu, chứ không phải cắt đứt quan hệ. Gọi tên được chỗ mình còn bị cuốn theo là bước đầu tiên.



Sáu thẻ gợi ý cách làm chủ và kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè — SGK trang 7

Nhiệm vụ 2.3. Thảo luận sáu cách làm chủ và kiểm soát mối quan hệ (22′)

a) Mục tiêu: Nêu được các cách làm chủ, kiểm soát mối quan hệ với bạn bè ở trường và qua mạng xã hội; ghép được mỗi cách với tình huống nó xử lí được.

b) Nội dung: Từ năm thẻ gợi ý ở sách giáo khoa trang 7 và một thẻ để trống, các nhóm chép lại năm cách đã có, điền thêm ít nhất một cách mới vào thẻ trống rồi ghép mỗi cách với một tình huống có thật mà nhóm từng gặp.

c) Sản phẩm: Bảng ghép của nhóm gồm sáu cách làm chủ, mỗi cách đặt cạnh một tình huống cụ thể mà cách đó xử lí được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu sáu thẻ gợi ý ở trang 7, phát mỗi nhóm sáu thẻ giấy màu và nêu nhiệm vụ ghép cách làm chủ với tình huống.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm chép năm cách có sẵn, nghĩ thêm cách cho thẻ trống rồi ghi tình huống tương ứng. Giáo viên nhắc tình huống phải là chuyện có thể xảy ra ở lớp mình, không lấy chuyện trên phim.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba nhóm dán bảng ghép lên bảng lớp và trình bày. Lớp chỉ ra cách nào khó làm nhất và vì sao khó.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Trong sáu cách thì kiên định từ chối và chủ động kết thúc mối quan hệ khi cần là hai cách khó nhất, vì phải chịu được cảm giác mất lòng bạn trong chốc lát. Nhưng đó chính là chỗ phân biệt người làm chủ quan hệ với người bị cuốn theo.

TIẾT 3. QUY TẮC ỨNG XỬ TRÊN MẠNG XÃ HỘI CỦA LỚP

Kết nối hai tiết (3′): Sáu cách làm chủ ở tiết trước dùng được cả ngoài đời lẫn trên mạng. Nhưng trên mạng, lời nói để lại dấu vết và lan đi rất nhanh, nên lớp cần một bộ quy tắc riêng cho mình.

Nhiệm vụ 2.4. Soạn bộ quy tắc ứng xử trên mạng và viết lại ba lời bình luận (42′)

a) Mục tiêu: Nêu được các quy tắc ứng xử cần giữ khi giao tiếp với thầy cô, bạn bè trên mạng xã hội; nhận ra chỗ chưa đúng mực trong một lời bình luận và viết lại cho phù hợp, có nêu lí do sửa.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in ba lời bình luận giả định: một lời chê bai ngoại hình của bạn, một lời nhận xét gay gắt về thầy cô viết trên nhóm lớp, một lời chia sẻ lại tin chưa kiểm chứng về một bạn cùng trường. Các nhóm chỉ ra chỗ sai, viết lại từng lời rồi rút ra quy tắc chung cho lớp, ghi vào mục C Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bộ quy tắc ứng xử trên mạng của lớp gồm ít nhất sáu điều viết ở thể khẳng định; phiếu ba lời bình luận đã được viết lại, mỗi lời kèm một câu nêu lí do sửa.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên phát bản in ba lời bình luận cho từng nhóm, nói rõ đây là lời giả định, không của bạn nào trong lớp; nêu ba việc phải làm là chỉ chỗ sai, viết lại và nêu lí do.

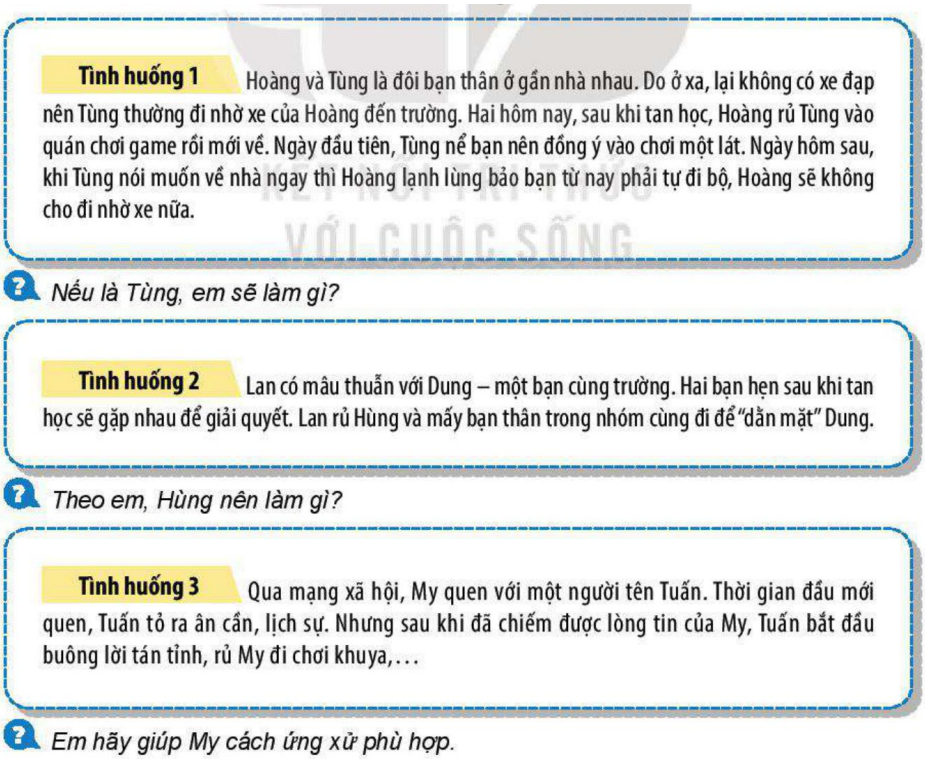
2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm gạch chân chỗ sai, viết lại từng lời vào phiếu rồi rút thành quy tắc. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào chỉ sửa cho nhẹ lời mà chưa bỏ được nội dung xúc phạm, và nhắc quy tắc phải viết là nên làm gì chứ không chỉ liệt kê điều cấm.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Các nhóm trình bày lời đã viết lại và đọc quy tắc của nhóm. Giáo viên gom các quy tắc trùng nhau lên bảng, cả lớp bỏ phiếu chọn sáu điều thành bộ quy tắc chung, viết vào giấy A3 dán ở góc lớp.

4. Kết luận, nhận định (6′): GV chốt: Ba lỗi hay gặp nhất khi nói chuyện trên mạng là chê bai ngoại hình, nhận xét người vắng mặt bằng lời gay gắt và chia sẻ lại tin chưa kiểm chứng. Lời trên mạng khác lời nói miệng ở chỗ nó còn lại và lan đi, nên trước khi gửi hãy đọc lại một lần và tự hỏi mình có dám nói câu đó trước mặt người ta không.

TIẾT 4. XỬ LÍ BA TÌNH HUỐNG VỀ QUAN HỆ BẠN BÈ

Kết nối hai tiết (3′): Lớp đã có bộ quy tắc và đã biết sáu cách làm chủ quan hệ. Tiết này đem cả hai ra thử trong ba tình huống khó mà sách giáo khoa đặt ra.



Ba tình huống rèn kĩ năng làm chủ và kiểm soát mối quan hệ với bạn bè — SGK trang 8

Nhiệm vụ 2.5. Thảo luận và lựa chọn cách xử lí ba tình huống (42′)

a) Mục tiêu: Lựa chọn và thực hiện được cách xử lí phù hợp cho ba tình huống về quan hệ bạn bè ở trường và qua mạng xã hội, giữ được chính kiến mà không làm tổn thương người khác.

b) Nội dung: Ba tình huống ở sách giáo khoa trang 8: Tùng bị Hoàng ép vào quán chơi game rồi doạ không cho đi nhờ xe; Hùng được Lan rủ đi cùng để dằn mặt Dung; My quen Tuấn qua mạng và bị Tuấn buông lời tán tỉnh, rủ đi chơi khuya. Mỗi nhóm nhận một tình huống, chọn cách xử lí rồi viết thành lời thoại để đóng vai.

c) Sản phẩm: Ba phương án xử lí, mỗi phương án gồm cách xử lí đã chọn, lời thoại khoảng sáu lượt và một câu nêu rõ dùng cách làm chủ nào trong sáu cách đã học.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên đọc ba tình huống, bốc thăm chia tình huống cho sáu nhóm để mỗi tình huống có hai nhóm cùng làm; nêu yêu cầu phải chỉ ra dùng cách làm chủ nào.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Các nhóm bàn cách xử lí và viết lời thoại. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi riêng cho từng tình huống: Tùng có cách nào đi học mà không phụ thuộc xe của Hoàng không; Hùng đi cùng thì chuyện sẽ đi tới đâu; My nên nói với ai trước khi trả lời Tuấn.

3. Báo cáo, thảo luận (14′): Sáu nhóm lần lượt đóng vai, hai nhóm cùng tình huống diễn liền nhau để lớp so sánh. Sau mỗi cặp, lớp nêu phương án nào giữ được tình bạn mà vẫn giữ được nguyên tắc.

4. Kết luận, nhận định (6′): GV chốt: Cả ba tình huống đều có một điểm chung là bạn dùng tình cảm hoặc sự giúp đỡ để ép mình làm điều mình không muốn. Cách xử lí đúng là từ chối việc chứ không từ chối người, nói rõ lí do và tìm cách khác để tự lo phần của mình. Riêng tình huống trên mạng, việc bắt buộc là nói với người lớn tin cậy và dừng cuộc trò chuyện lại.

TIẾT 5. THIẾT KẾ SẢN PHẨM VỀ TÌNH THẦY TRÒ, TÌNH BẠN

Kết nối hai tiết (3′): Bốn tiết qua lớp đã bàn khá nhiều về cách cư xử. Tiết này biến những điều đã bàn thành một sản phẩm cầm được trên tay để bạn khác cũng dùng được.

Nhiệm vụ 2.6. Làm cẩm nang hoặc áp phích về tình thầy trò, tình bạn (42′)

a) Mục tiêu: Thiết kế và trình bày được một sản phẩm góp phần phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè.

b) Nội dung: Theo gợi ý ở sách giáo khoa trang 8, mỗi nhóm chọn một hình thức là cẩm nang, áp phích hoặc tờ tin của lớp; nội dung gồm ba phần: lời khuyên về cách phát triển quan hệ tốt đẹp, cách ứng xử trong một số trường hợp phổ biến và một số câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn về tình thầy trò, tình bạn. Nhóm lấy chất liệu từ bảng hai cột ở tiết 1 và bộ quy tắc ở tiết 3.

c) Sản phẩm: Sản phẩm của nhóm trên giấy A3 hoặc tập giấy A4 gấp, đủ ba phần nội dung, có ít nhất năm lời khuyên, hai tình huống ứng xử mẫu và hai câu ca dao, tục ngữ hoặc danh ngôn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên nêu ba hình thức sản phẩm và ba phần nội dung bắt buộc, phát giấy A3, giấy A4 và bút màu; nhắc sản phẩm phải đọc được từ xa nếu là áp phích.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20′): Các nhóm phân công người viết nội dung, người trình bày hình thức và cùng làm. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc nhóm nào chép lại y nguyên gợi ý trong sách mà chưa thêm chất liệu của lớp mình.

3. Báo cáo, thảo luận (11′): Các nhóm treo sản phẩm quanh lớp và giới thiệu, mỗi nhóm khoảng hai phút. Lớp đi xem một vòng và dán giấy nhớ góp ý vào từng sản phẩm.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Một sản phẩm chỉ hữu ích khi người đọc biết mình phải làm gì sau khi đọc. Lời khuyên hay nhất là lời chỉ được một việc cụ thể chứ không phải lời hô hào chung chung. Các sản phẩm sẽ được treo ở lớp cho đến hết chủ đề.

TIẾT 6. LẬP KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG

Kết nối hai tiết (3′): Sản phẩm ở tiết trước đã lan toả trong phạm vi lớp. Từ tiết này lớp bước ra phạm vi rộng hơn là cả nhà trường, và việc đầu tiên là có một bản kế hoạch chạy được.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
LÀM XANH – SẠCH – ĐẸP CẢNH QUAN NHÀ TRƯỜNG

Thành viên: Các đoàn viên trong chi đoàn.

Mục tiêu:

- Góp phần phát huy truyền thống "Ngôi trường xanh – sạch – đẹp" của nhà trường.
- Rèn luyện kĩ năng hợp tác nhóm.

Thời gian thực hiện: 7h00 – 10h00 sáng Chủ nhật tuần cuối tháng 9.

Nội dung:

- Tổng vệ sinh sân trường, hành lang lớp học.
- Chăm sóc cây và hoa ở sân trường, hành lang lớp học.
- Trồng thêm cây cảnh và hoa ở sân trường.

Phương tiện cần thiết:

- Khẩu trang, găng tay.
- Chổi, hót rác.
- Cuốc, xẻng, kéo, bình tưới.
- Cây giống (cây cảnh, cây hoa).

Phân công nhiệm vụ cho các thành viên:

- Chuẩn bị các phương tiện: Các bạn...
- Tổng vệ sinh sân trường, hành lang lớp học: Các bạn...
- Chăm sóc cây và hoa ở sân trường, hành lang lớp học: Các bạn...
- Trồng thêm cây và hoa ở sân trường: Các bạn...
- Chụp ảnh ghi lại kết quả hoạt động: Bạn...
- Đánh giá kết quả hoạt động: Các đoàn viên trong Chi đoàn.
- Viết báo cáo: Ban Chấp hành Chi đoàn.
- Trình bày báo cáo: Bí thư Chi đoàn.

Kế hoạch mẫu hoạt động làm xanh – sạch – đẹp cảnh quan nhà trường — SGK trang 9

Nhiệm vụ 2.7. Chọn hoạt động và xây dựng kế hoạch của nhóm (42′)

a) Mục tiêu: Hợp tác với bạn để đề xuất, lựa chọn một hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường và lập được kế hoạch đủ các mục theo mẫu của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Mỗi nhóm đề xuất ít nhất ba ý tưởng rồi bỏ phiếu chọn một, ví dụ làm xanh – sạch – đẹp cảnh quan, công trình của Đoàn Thanh niên hoặc góc đọc sách của lớp. Sau đó nhóm dùng khung kế hoạch mẫu ở sách giáo khoa trang 9 làm mẫu và điền vào bảng ở mục D Phụ lục 1, gồm thành viên, mục tiêu, thời gian thực hiện, nội dung, phương tiện cần thiết và phân công nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch hoạt động của nhóm đủ sáu mục theo mẫu trang 9, trong đó phần phân công ghi rõ tên người phụ trách cho từng đầu việc, kể cả việc chụp ảnh ghi lại kết quả, viết báo cáo và trình bày báo cáo.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên chiếu khung kế hoạch mẫu ở trang 9, chỉ ra sáu mục và nhấn mạnh hai mục hay bị bỏ sót là phương tiện cần thiết và phân công nhiệm vụ tới từng người.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm đề xuất ý tưởng, bỏ phiếu chọn một rồi điền bảng kế hoạch. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm ba điều: hoạt động có làm được trong điều kiện của trường không, mỗi đầu việc đã có tên người chưa và phương tiện có thứ nào cần xin phép nhà trường không.

3. Báo cáo, thảo luận (12′): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai ban duyệt, hỏi ba câu: việc này làm vào lúc nào, ai cầm phương tiện gì và nếu hôm đó mưa thì làm sao.

4. Kết luận, nhận định (6′): GV chốt: Một kế hoạch chạy được khi mỗi đầu việc có tên người và có mốc thời gian, và khi có sẵn phương án cho tình huống bất lợi. Kế hoạch của các nhóm sẽ được thực hiện trong giờ sinh hoạt lớp và một buổi cuối tuần, có báo cáo lại ở tiết 9.

TIẾT 7. QUY TRÌNH DÙNG TRỢ LÍ ẢO ĐỂ LẤY GỢI Ý HOẠT ĐỘNG

Kết nối hai tiết (3′): Kế hoạch của nhóm đã có nhưng phần nội dung còn mỏng. Tiết này thử nhờ máy gợi ý thêm, và quan trọng hơn là thống nhất cách kiểm lại gợi ý trước khi dùng.

Nhiệm vụ 2.8. Xây dựng quy trình bốn bước và sàng lọc gợi ý của trợ lí ảo (42′)

a) Mục tiêu: Xây dựng và thực hiện được quy trình bốn bước dùng trợ lí ảo để lấy gợi ý hoạt động phát huy truyền thống nhà trường; đối chiếu từng gợi ý với nội quy và điều kiện thật của trường rồi mới quyết định giữ hay bỏ.

b) Nội dung: Cả lớp cùng đặt ra quy trình bốn bước: nêu rõ yêu cầu và bối cảnh của trường; đọc kĩ kết quả máy trả về; đối chiếu từng gợi ý với nội quy nhà trường và điều kiện có thật; quyết định giữ, sửa hay bỏ và ghi lí do. Giáo viên thao tác trên máy của lớp, chiếu lên tivi cho cả lớp cùng nhìn; học sinh ghi kết quả vào bảng bốn bước ở mục C Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bảng quy trình bốn bước của mỗi nhóm, có cột kết luận giữ, sửa hoặc bỏ cho từng gợi ý kèm lí do dựa vào một điều trong nội quy hoặc một điều kiện thật của trường; ít nhất một gợi ý đã sửa được đưa vào phần nội dung của kế hoạch tiết 6.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (7′): Giáo viên nêu bốn bước rồi làm mẫu bước một trên máy của lớp: gõ yêu cầu chung chung thì máy trả về gợi ý dùng cho trường nào cũng được; thêm bối cảnh về số tiết, sân trường và số học sinh thì kết quả sát hơn. Học sinh quan sát qua tivi và ghi lại hai cách nêu yêu cầu để so sánh.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Giáo viên chiếu ba gợi ý máy trả về. Các nhóm đọc, đối chiếu với bản in nội quy và với điều kiện thật của trường rồi điền bảng bốn bước. Giáo viên nhắc mỗi lí do phải chỉ được vào một điều cụ thể, không viết là không phù hợp rồi để đó.

3. Báo cáo, thảo luận (13′): Bốn nhóm trình bày bảng của mình: đọc gợi ý gốc, nêu kết luận giữ, sửa hay bỏ và lí do. Lớp phản biện bằng một câu hỏi: chi tiết em vừa thêm vào lấy căn cứ từ đâu.

4. Kết luận, nhận định (6′): GV chốt: Trợ lí ảo viết trôi chảy nhưng không biết trường mình có bao nhiêu tiết sinh hoạt dưới cờ, sân trường rộng bao nhiêu hay nội quy quy định giờ nào. Vì vậy gợi ý của máy chỉ là bản nháp. Bốn bước vừa làm là cách để mình vẫn là người quyết định, và bước quan trọng nhất là bước đối chiếu.

TIẾT 8. LẬP KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG

Kết nối hai tiết (3′): Các nhóm đã thực hiện xong kế hoạch của mình. Câu hỏi còn lại là hoạt động ấy có hiệu quả thật không, và muốn trả lời thì phải đi hỏi chứ không thể đoán.

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG NHÀ TRƯỜNG

- Tên hoạt động được đánh giá:……
- Thời gian tiến hành đánh giá:……
- Nội dung/Tiêu chí đánh giá:
  + Nhận thức, cảm xúc của học sinh về truyền thống của nhà trường.
  + Nhận thức của học sinh về trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống nhà trường.
  + Số học sinh tham gia hoạt động.
  + Hứng thú của học sinh đối với hoạt động.
  + Kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.
  + Sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác đối với hoạt động.
- Phương pháp đánh giá:
  + Khảo sát bằng phiếu hỏi các bạn học sinh trong lớp, trong trường.
  + Phỏng vấn một số học sinh, thầy, cô giáo, cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác của trường.
  + Hồi cứu các tư liệu hoạt động (nếu có): Kế hoạch tổ chức hoạt động, bản thu hoạch của các học sinh đã tham gia hoạt động, báo cáo kết quả tổ chức hoạt động,...

Khung kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường — SGK trang 10

Nhiệm vụ 2.9. Chọn tiêu chí và phương pháp đánh giá (20′)

a) Mục tiêu: Lựa chọn được một hoạt động phát huy truyền thống nhà trường để đánh giá và xác định được tiêu chí, phương pháp đánh giá phù hợp.

b) Nội dung: Từ khung ở sách giáo khoa trang 10, mỗi nhóm chọn một hoạt động đã tổ chức, chọn ba trong sáu tiêu chí đánh giá và chọn phương pháp phù hợp trong ba phương pháp là khảo sát bằng phiếu hỏi, phỏng vấn và hồi cứu tư liệu hoạt động.

c) Sản phẩm: Phần đầu bản kế hoạch đánh giá của nhóm: tên hoạt động, thời gian đánh giá, ba tiêu chí đã chọn và phương pháp tương ứng cho từng tiêu chí.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu khung kế hoạch đánh giá ở trang 10, đọc sáu tiêu chí và ba phương pháp, nêu yêu cầu mỗi nhóm chọn ba tiêu chí và ghép phương pháp cho từng tiêu chí.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9′): Các nhóm chọn hoạt động và điền phần đầu kế hoạch. Giáo viên hỏi lại nhóm nào chọn tiêu chí về số học sinh tham gia mà lại định dùng phỏng vấn: con số đó nên lấy ở đâu cho nhanh và chính xác hơn.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Ba nhóm trình bày phần đã chọn. Lớp nhận xét cặp tiêu chí và phương pháp nào chưa hợp nhau và đề nghị đổi.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Mỗi tiêu chí đòi một cách lấy tin khác nhau. Muốn biết số lượng thì đếm hoặc hồi cứu tư liệu, muốn biết cảm xúc và nhận thức thì hỏi bằng phiếu hoặc phỏng vấn. Chọn sai phương pháp thì số liệu thu về không dùng được.

Nhiệm vụ 2.10. Thiết kế bộ công cụ khảo sát và phân công công việc (22′)

a) Mục tiêu: Thiết kế được bộ công cụ khảo sát gồm phiếu hỏi và bảng câu hỏi phỏng vấn; phân công được công việc, sản phẩm cần đạt, thời gian và người chịu trách nhiệm chính.

b) Nội dung: Theo bảng kế hoạch cụ thể ở sách giáo khoa trang 10 và trang 11 với năm cột và sáu dòng công việc từ 1.1 đến 1.6, mỗi nhóm viết năm câu hỏi cho phiếu hỏi học sinh, ba câu hỏi phỏng vấn thầy cô hoặc cha mẹ học sinh, rồi điền bảng phân công.

c) Sản phẩm: Bộ công cụ khảo sát của nhóm gồm phiếu hỏi năm câu và bảng phỏng vấn ba câu; bảng phân công năm cột với sáu dòng công việc, mỗi dòng có tên người phụ trách và mốc thời gian.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu bảng kế hoạch cụ thể ở trang 10 và trang 11, đọc sáu dòng công việc từ 1.1 đến 1.6 và phát mẫu phiếu hỏi để nhóm điền câu hỏi.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm viết câu hỏi và điền bảng phân công. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm hai điều: câu hỏi có dẫn dắt người trả lời không và mỗi dòng công việc đã có tên người chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Hai nhóm đọc phiếu hỏi của mình, lớp thử trả lời một câu để xem câu hỏi có dễ hiểu không. Giáo viên nhắc lại yêu cầu xin phép trước khi phỏng vấn thầy cô và cha mẹ.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Câu hỏi tốt là câu hỏi không gợi ý sẵn câu trả lời. Bộ công cụ chỉ được coi là xong khi có người thử trả lời mà không phải hỏi lại. Các nhóm khảo sát trong tuần này và mang số liệu tới tiết sau.

TIẾT 9. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3′): Các nhóm đã đi khảo sát và có số liệu trong tay. Tiết cuối làm nốt hai việc: đọc cho ra ý nghĩa của số liệu và nhìn lại cả chủ đề.

Hoạt động 3. Luyện tập – Xử lí số liệu và viết báo cáo đánh giá (22′)

a) Mục tiêu: Xử lí được thông tin, số liệu thu thập từ khảo sát và viết được báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường.

b) Nội dung: Các nhóm cộng số phiếu theo từng phương án trả lời, tính tỉ lệ phần trăm bằng tay, vẽ biểu đồ cột bằng bút màu trên giấy A3 rồi viết báo cáo gồm bốn phần: hoạt động được đánh giá, cách lấy số liệu, kết quả chính và nhận định về hiệu quả.

c) Sản phẩm: Bản báo cáo đánh giá của nhóm dài khoảng một trang giấy, kèm biểu đồ cột vẽ tay và ít nhất hai nhận định có dẫn chứng bằng số liệu thật của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên hướng dẫn cách cộng phiếu và quy ra tỉ lệ phần trăm, làm mẫu một câu hỏi trên bảng; nêu bốn phần bắt buộc của báo cáo.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm cộng số liệu, vẽ biểu đồ và viết báo cáo. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc nhóm nào viết nhận định mà không dẫn được con số nào từ phiếu của chính mình.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Ba nhóm trình bày báo cáo, mỗi nhóm khoảng một phút rưỡi. Lớp hỏi lại một câu về chỗ số liệu và kết luận chưa khớp nhau.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Báo cáo đánh giá khác bài kể chuyện ở chỗ mỗi nhận định đều dựa vào một con số cụ thể. Nếu số liệu cho thấy hoạt động chưa hiệu quả thì vẫn phải ghi đúng như vậy, vì đó mới là căn cứ để lần sau làm khác đi.

Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện kĩ năng trong thực tiễn và tự đánh giá chủ đề (20′)

a) Mục tiêu: Vận dụng các kĩ năng đã rèn luyện vào cuộc sống hằng ngày, tiếp tục tham gia hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên và tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo yêu cầu vận dụng ở sách giáo khoa trang 12, mỗi học sinh chọn hai kĩ năng để thực hiện trong bốn tuần tới, ghi nhật kí mỗi tuần một dòng về kết quả, thuận lợi, khó khăn và biện pháp khắc phục; đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo sáu tiêu chí ở trang 12 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Nhật kí bốn dòng của mỗi học sinh và phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, kèm tên sản phẩm chứng minh cho từng tiêu chí chọn mức Đạt.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên chiếu sáu tiêu chí ở trang 12, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể mà lớp đã làm trong chủ đề và nêu cách ghi nhật kí bốn tuần.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8′): Học sinh chọn hai kĩ năng, viết dự định và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chọn mức Đạt mà chưa nêu được sản phẩm nào.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Bốn học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; hai học sinh nêu hoạt động của Đoàn Thanh niên mà mình sẽ tham gia trong tháng tới. Lớp góp ý cách làm.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng hai việc còn chạy tiếp là bộ quy tắc ứng xử trên mạng đang dán ở góc lớp và nhật kí bốn tuần của mỗi em. Nhật kí cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho phần đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 1 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Người thầy, người cô nào ở trường khiến em nhớ nhất? Vì điều gì?
2. Điều gì làm cho một tình bạn trở nên bền chặt, và điều gì làm nó rạn nứt?
3. Em muốn góp một việc gì để trường mình đẹp hơn hoặc vui hơn?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 1

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh hoạ	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh hoạ.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.*
1. Cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè			
2. Làm chủ và kiểm soát mối quan hệ ở trường và trên mạng xã hội			
3. Hợp tác xây dựng và phát triển nhà trường			
4. Đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Quy tắc ứng xử trên mạng của lớp

Đọc ba lời bình luận thầy cô phát cho nhóm em. Với mỗi lời, chỉ ra chỗ chưa đúng mực, viết lại cho phù hợp rồi nói rõ vì sao phải sửa chỗ đó.

– Lời 1 – chỗ chưa đúng mực: ……

Viết lại: …… Lí do sửa: ……

– Lời 2 – chỗ chưa đúng mực: ……

Viết lại: …… Lí do sửa: ……

– Lời 3 – chỗ chưa đúng mực: ……

Viết lại: …… Lí do sửa: ……

Sáu điều trong bộ quy tắc ứng xử trên mạng mà lớp em thống nhất:

1. ……
……
2. ……
……
3. ……
……
4. ……
……
5. ……
……
6. ……
……

C2. Quy trình bốn bước dùng trợ lí ảo

Thầy cô thao tác trên máy của lớp, em quan sát qua tivi và ghi lại vào bảng dưới đây. Với mỗi gợi ý máy đưa ra, em phải đối chiếu với nội quy nhà trường và điều kiện thật của trường rồi mới kết luận.

Bước	Việc em ghi lại	Gợi ý 1	Gợi ý 2	Gợi ý 3
1. Nêu yêu cầu	Yêu cầu và bối cảnh trường đã nêu với máy			
2. Đọc kết quả	Nội dung chính của gợi ý			
3. Đối chiếu	Điều nào trong nội quy hoặc điều kiện nào của trường liên quan?			
4. Kết luận	Giữ, sửa hay bỏ? Lí do?			

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường (làm theo nhóm)

Mục của kế hoạch	Nhóm em điền vào đây
Tên hoạt động được chọn	
Thành viên	
Mục tiêu	
Thời gian thực hiện	
Nội dung	
Phương tiện cần thiết	
Phân công nhiệm vụ cho các thành viên	

D2. Kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống

TT	Các công việc	Sản phẩm cần đạt	Thời gian thực hiện	Người chịu trách nhiệm
1.1				
1.2				
1.3				
1.4				

D3. Nhật kí vận dụng bốn tuần

Tuần	Kĩ năng em thực hiện	Kết quả và cảm xúc	Khó khăn và cách khắc phục
1			
2			
3			
4			

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè	SGK trang 7 đưa bảng hai cột: một cột cho quan hệ với thầy cô, một cột cho quan hệ với bạn bè; mỗi cột nêu ba cách và để ngỏ cho học sinh bổ sung thêm.	Với thầy cô: gần gũi, cởi mở trò chuyện, học hỏi thầy cô; kính trọng, lễ phép; hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập và nhiệm vụ được thầy cô, lớp, trường giao phó. Với bạn bè: gần gũi, cởi mở trò chuyện, khiêm tốn học hỏi bạn bè; lôi cuốn bạn cùng tham gia hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động xã hội; cùng hợp tác thực hiện các nhiệm vụ chung.	Với thầy cô thì trọng tâm là sự kính trọng và làm tròn nhiệm vụ, với bạn bè thì trọng tâm là sự cởi mở và cùng làm việc chung; cả hai đều đòi mình chủ động trước.
2. Làm chủ và kiểm soát mối quan hệ ở trường và trên mạng xã hội	SGK trang 7 nêu sáu thẻ gợi ý, trong đó năm thẻ có nội dung và một thẻ để trống cho học sinh tự bổ sung; trang 8 đưa ba tình huống để rèn kĩ năng này.	Năm cách có sẵn: chủ động, tự tin làm quen, thiết lập mối quan hệ; chủ động kết thúc mối quan hệ khi cần thiết; chủ động lôi cuốn bạn cùng tham gia các hoạt động lành mạnh, bổ ích; phát hiện những mâu thuẫn, bất hoà nảy sinh và cùng bạn giải quyết một cách phù hợp; kiên định từ chối khi bạn rủ tham gia vào các hành vi phạm pháp, các tệ nạn xã hội.	Làm chủ quan hệ nghĩa là tự quyết định mức độ tham gia của mình, không phải cắt đứt quan hệ; hai cách khó nhất là kiên định từ chối và chủ động kết thúc khi cần.
3. Hợp tác xây dựng và phát triển nhà trường	SGK trang 9 đưa khung kế hoạch mẫu cho hoạt động làm xanh – sạch – đẹp cảnh quan nhà trường, đủ các mục thành viên, mục tiêu, thời gian thực hiện, nội dung, phương tiện cần thiết và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.	Thành viên là các đoàn viên trong chi đoàn; thời gian thực hiện là 7h00 – 10h00 sáng Chủ nhật tuần cuối tháng 9; phương tiện gồm khẩu trang, găng tay, chổi, hót rác, cuốc, xẻng, kéo, bình tưới và cây giống; phân công tới từng đầu việc, kể cả chụp ảnh ghi lại kết quả, viết báo cáo do Ban Chấp hành Chi đoàn và trình bày báo	Kế hoạch chạy được là nhờ phân công tới tên người cho từng đầu việc và nhờ liệt kê đủ phương tiện trước khi bắt tay vào làm.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
		cáo do Bí thư Chi đoàn.	
4. Đánh giá hiệu quả hoạt động phát huy truyền thống nhà trường	SGK trang 10 và trang 11 đưa khung kế hoạch đánh giá gồm tên hoạt động, thời gian đánh giá, sáu tiêu chí, ba phương pháp và bảng kế hoạch cụ thể năm cột với sáu dòng công việc từ 1.1 đến 1.6.	Sáu tiêu chí gồm nhận thức và cảm xúc của học sinh về truyền thống; nhận thức về trách nhiệm giữ gìn, phát huy truyền thống; số học sinh tham gia; hứng thú của học sinh; kết quả thực hiện; sự ủng hộ của cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác. Ba phương pháp: khảo sát bằng phiếu hỏi, phỏng vấn và hồi cứu tư liệu hoạt động.	Mỗi tiêu chí đòi một cách lấy tin riêng: số lượng thì đếm hoặc hồi cứu tư liệu, cảm xúc và nhận thức thì hỏi bằng phiếu hoặc phỏng vấn.

2. Gợi ý xử lí ba tình huống ở trang 8

Tình huống 1 – Tùng nên cảm ơn Hoàng vì thời gian qua đã cho đi nhờ, nói thẳng là mình không vào quán chơi game vì còn việc ở nhà và vì đó không phải việc nên làm sau giờ học; đồng thời chủ động tìm cách đi học khác như đi xe buýt, đi cùng bạn khác hoặc xin gia đình thu xếp phương tiện. Từ chối việc chứ không từ chối bạn.

Tình huống 2 – Hùng nên từ chối đi cùng và khuyên Lan không đi, chỉ rõ hậu quả nếu hai bên gặp nhau theo kiểu kéo người đi dằn mặt; nếu Lan vẫn đi thì Hùng cần báo ngay cho giáo viên chủ nhiệm hoặc thầy cô ở trường. Đây là tình huống có thể dẫn tới bạo lực nên không được im lặng cho qua.

Tình huống 3 – My cần dừng cuộc trò chuyện, không nhận lời đi chơi khuya với người chỉ quen qua mạng, không cung cấp thêm thông tin cá nhân, chặn hoặc hạn chế liên lạc nếu đối phương tiếp tục; đồng thời kể lại với cha mẹ hoặc thầy cô. Lưu lại tin nhắn làm bằng chứng trước khi chặn.

3. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – ba lời bình luận in sẵn nên gồm một lời chê bai ngoại hình, một lời nhận xét gay gắt về thầy cô viết trên nhóm lớp và một lời chia sẻ lại tin chưa kiểm chứng. Lời viết lại đạt yêu cầu khi bỏ hẳn nội dung xúc phạm chứ không chỉ đổi cách nói cho nhẹ đi, và khi lí do sửa chỉ được vào một chuẩn mực cụ thể.

Bộ quy tắc – bộ quy tắc của lớp nên có đủ sáu điều theo hướng: viết bằng tên thật và chịu trách nhiệm về lời mình viết; không bình phẩm ngoại hình, hoàn cảnh gia đình của người khác; không nói về người vắng mặt điều mà mình không dám nói trước mặt; kiểm nguồn trước khi chia sẻ lại; không đăng ảnh hoặc tin nhắn của người khác khi chưa được phép; gặp chuyện căng thẳng thì dừng lại và nói với người lớn.

Phần C2 – bảng bốn bước đạt yêu cầu khi cột kết luận của từng gợi ý đều dẫn được một điều trong nội quy hoặc một điều kiện thật của trường như số tiết sinh hoạt dưới cờ, diện

tích sân, số học sinh hay kinh phí. Nếu học sinh chỉ ghi không phù hợp mà không dẫn căn cứ thì trả lại cho làm tiếp.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Chỉ ra đúng chỗ chưa đúng mực trong cả ba lời bình luận: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Viết lại được lời bình luận và nêu lí do sửa dựa vào một chuẩn mực cụ thể: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Ghi đủ bốn bước của quy trình dùng trợ lí ảo: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được lí do giữ, sửa hoặc bỏ từng gợi ý dựa vào nội quy hoặc điều kiện thật: Đạt hoặc Chưa đạt.

4. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh ghi cách phát triển quan hệ rất chung như quan tâm bạn nhiều hơn. Gợi mở: hỏi em đã quan tâm bằng việc gì và bạn đã phản hồi ra sao.

Lỗi 2 – khi soi lại mối quan hệ, học sinh nêu tên bạn trong lớp. Gợi mở: nhắc lại quy ước thay tên bằng chữ cái và chuyển câu chuyện về phía cảm nhận của mình.

Lỗi 3 – lời bình luận viết lại vẫn giữ nguyên ý chê bai, chỉ đổi từ ngữ cho êm hơn. Gợi mở: hỏi nếu người bị nói đọc được câu này thì họ thấy thế nào.

Lỗi 4 – kế hoạch hoạt động thiếu mục phương tiện hoặc phân công chung cho cả nhóm. Gợi mở: hỏi hôm đó ai cầm chổi, ai cầm bình tưới và ai chụp ảnh.

Lỗi 5 – báo cáo đánh giá viết cảm nhận mà không dẫn số liệu, hoặc làm tròn số liệu cho đẹp. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào phiếu đã thu và đọc đúng con số đếm được.

Lỗi 6 – chép nguyên gợi ý của trợ lí ảo vào kế hoạch vì thấy câu văn trôi chảy. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào một điều trong nội quy hoặc một điều kiện có thật của trường để bảo vệ từng ý.

5. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lâm Thao, ngày …… tháng …… năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)